

Bản án số: 03/2018/DSST

Ngày: 19 - 01 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa : Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2017/QĐXXST-DSST ngày 07 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2017/QĐST ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H - Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/01/2018) (có mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phước H – Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật Kim thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường T, phường K, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ: Bà Phạm Thị H - Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/01/2018) (có mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Hà Thị Tuyết H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường K, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản H giải trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/01/2016, ông M có cho bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H vay số tiền 300.000.000 đồng, với thời hạn vay là 03 (ba) tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm được ký kết tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức, đồng thời cùng ngày ông và bà H, ông H có lập thêm giấy mượn tiền có nội dung bà H, ông H mượn của ông số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng thời hạn trong vòng 90 ngày sẽ trả lại tiền vay cho ông, kèm theo bà H, ông H có giao cho ông: 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BR 364962 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 01/7/2014 và 01 bản chính tờ khai lệ phí trước bạ số UB20141807/TB-CCT-TBA ngày 11/7/2014 đối với thửa đất số 598, tờ bản đồ số 42 có diện tích 85,8 m² tại địa chỉ Đường Q, phường P, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên là đại diện của những người Đ thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản với người khác. Sau khi ký kết hợp đồng bà H, ông H đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền không có quy định về lãi suất, tuy nhiên ông M, bà H, ông H thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Trong quá trình vay bà H và ông H có trả cho ông M số tiền lãi của một tháng là 12.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Đến hạn trả nợ nhưng ông H, bà H không trả tiền mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà H trả nợ.

Do đó, ông M yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H phải trả tiền làm một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông M về việc ký kết hợp đồng vay ngày 27/01/2016 để vay ông M số tiền 300.000.000 đồng. Để làm tin, bà có nhờ ông Nguyễn Xuân H (là cháu ruột của bà) cùng ký tên trên hợp đồng vay tiền. Đồng thời, bà có giao cho ông M 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BR 364962 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 01/7/2014 và 01 bản chính tờ khai lệ phí trước bạ số UB20141807/TB-CCT-TBA ngày 11/7/2014 đối với thửa đất số 598, tờ bản đồ số 42 có diện tích 85,8 m² tại địa chỉ Đường Q, phường P, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên là đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản với người khác. Sau khi ký kết hợp đồng bà và ông H đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, bà đã đóng tiền lãi cho ông M được 12.000.000 đồng.

Bà H cho rằng số tiền 300.000.000 đồng mà bà và ông H vay của ông M là do một mình bà sử dụng với mục đích để làm ăn, ông H không sử dụng số tiền này, nhưng do ông H là người đứng tên cùng sử dụng đất và sở hữu tài sản trong bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, nên bà nhờ ông H cùng ký tên trong hợp đồng vay với ông M.

Nay, ông M yêu cầu bà và ông H phải thanh toán số tiền nợ là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng thì bà đồng ý tự một mình trả cho ông M, không liên quan đến ông H, nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn nên bà không có khả năng trả số tiền trên cho ông M trong một lần mà đề nghị ông M cho bà trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khi bà trả nợ xong cho ông M thì ông M phải trả lại cho bà toàn bộ giấy tờ nhà, đất mà bà đã giao cho ông M.

Ông Nguyễn Xuân H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày: Ông xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà H là đúng. Sau khi ký các hợp đồng vay, ông không nhận tiền và hoàn toàn không biết gì về số tiền trên. Việc ông M yêu cầu ông và bà H cùng phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 300.000.000đ (ba trăm triệu) đồng thì ông không đồng ý vì đây là số tiền do bà H sử dụng nên bà H phải có trách nhiệm trả cho ông M.

Bà Lê Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày: Bà là vợ của ông M, bà hoàn toàn thống nhất với mọi ý kiến của ông M và không có yêu cầu độc lập nào khác.

Bà Hà Thị Tuyết H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Xuân H, bà thống nhất với ý kiến của ông H. Việc vay tiền giữa chồng bà với bà H, ông M bà không biết, không liên quan đến bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành H giải đề các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không tự hòa giải được với nhau và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M xác định yêu cầu buộc bà H, ông H trả số tiền gốc còn nợ của ông M là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và không yêu cầu bà H, ông H trả tiền lãi. Yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H đồng ý trả cho ông M số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị được trả dần cho ông M mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khi bà trả nợ xong cho ông M thì ông M phải trả lại cho bà toàn bộ giấy tờ nhà, đất mà bà đã giao cho ông M.

Bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ thống nhất với yêu cầu của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M đối với bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H thì tranh chấp giữa ông M với bà H, ông H được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H có địa chỉ cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/8/2016, ông Nguyễn Xuân H là bị đơn và bà Hà Thị Tuyết H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Xuân H và bà Tuyết H.

Ông Huỳnh Phước H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2016, Đ ký kết tại phòng công chứng Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Nguyễn Văn M cho bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do các bên tự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H có trả được cho ông M 12.000.000 đồng tiền lãi, sau đó không trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho ông M. Đã hết thời hạn thanh toán tiền nợ vay nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên vay tài sản là tiền phải hoàn trả đủ tiền khi đến hạn. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Trong “Giấy mượn tiền” viết tay ngày 27/01/2016 còn thể hiện nội dung bà H và ông H giao cho ông M 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BR 364962 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 01/7/2014 và 01 bản chính tờ khai lệ phí trước bạ số UB20141807/TB-CCT-TBA ngày 11/7/2014 đối với thửa đất số 598, tờ bản đồ số 42 có diện tích 85,8 m² tại địa chỉ đường Q, phường P, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên là đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản với người khác. Xét việc giao Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất nêu trên giữa các bên không đáp ứng điều kiện về hình thức của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, không thực hiện việc đăng ký thế chấp theo quy định tại Điều 717, 719 của Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu về hình thức. Phần thỏa thuận về số tiền vay là hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên.

Xét đề nghị của bà H yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi hết nợ, lời đề nghị này của bà H không được phía nguyên đơn chấp nhận. Mặt khác ông H, bà H không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thời hạn vay đã lâu, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông M nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Xét lời trình bày của ông H cho rằng sau khi ký hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Thủ Đức để vay 300.000.000 đồng của ông M thì bà H là người nhận toàn bộ số tiền đã vay, ông không nhận tiền của ông M nên ông không đồng ý trả nợ cho ông M. Số tiền này tự một mình bà H phải trả cho ông M, việc ông ký vào hợp đồng vay là để làm tin cho ông M vì ông cùng đứng tên sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà H. Tuy nhiên, lời trình bày này của ông H không được phía nguyên đơn chấp nhận, ông H không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này, nên không có đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông H, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét bà Hà Thị Tuyết H là vợ của ông H cho rằng việc vay tiền giữa ông H, bà H với ông M bà hoàn toàn không biết, không liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án ông M và bà H ông H đều xác nhận việc ký hợp đồng vay tiền, chỉ được thực hiện giữa ông M và bà H ông H, đồng thời ông M cũng không yêu cầu bà H chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông H trả nợ cho ông M, nên bà H không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn bà H, ông H trả lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của UBTVQH ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M:

Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngay khi bà H, ông H trả đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông M thì ông M phải trả lại cho bà H, ông H: 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BR 364962 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 01/7/2014 và 01 bản chính tờ khai lệ phí trước bạ số UB20141807/TB-CCT-TBA ngày 11/7/2014 đối với thửa đất số 598, tờ bản đồ số 42 có diện tích 85,8 m² tại địa chỉ: Đường Q, phường P, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên là đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản với người khác.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Xuân H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng ông H và bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất Đ xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 (M lăm triệu) đồng. Ông H và bà H chưa nộp án phí.

Trả lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04523

ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc